

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 279/2024/DS-PT
Ngày: 28 - 6 - 2024
“V/v Tranh chấp thừa kế quyền
sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ch� Linh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang

Bà Phan Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 182/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Thí Đ, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Hữu T, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ (Văn bản uỷ quyền ngày 21/4/2023).

- Bị đơn:

1. Bà Đinh Thị Trang Đ1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Huỳnh Quốc H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Quốc H: Bà Hồ Thị Thu T1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số E, đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 22/8/2023).

3. Bà Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Hữu Đ2, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

2. Phạm Văn V, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn V: Ông Phạm Hữu Đ2, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Khu V T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 07/8/2023).

3. Ông Phạm Hữu Đ2 là người đại diện đương nhiên của cháu Phạm Vạn Đ3, sinh năm 2010.

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

4. Ông Lê Thành S, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo: Bà Đinh Thị Trang Đ1, Huỳnh Ngọc D, ông Huỳnh Quốc H là các bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Phía nguyên đơn trình bày và yêu cầu trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tại đơn khởi kiện đã nộp cho Tòa án, cụ thể nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế toàn bộ phần đất thuộc 02 thửa số 676, diện tích 785m², chia đều 05 phần, mỗi người được chia 157m²; đối với thửa số 669, diện tích theo đo đạc thực tế 5.861,8m², chia đều 05 phần, mỗi người được chia: 1.173m², yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

Căn nhà trên thửa đất số 676, yêu cầu chia làm 05 phần, căn nhà do ông Đ4 và bà K xây dựng, nguồn tiền xây dựng từ việc bà K chuyển nhượng đất cho các con (việc này đã được tách thửa cấp giấy riêng rồi), nguyên đơn yêu cầu nhận hiện vật.

Ông Đ4 và bà K có 03 người con, cụ thể: Đinh Thị Trang Đ1, Đinh Thị Thí Đ, Đinh Thị Trúc P (chết) có chồng là Phạm Hữu Đ2, và các con là: Phạm Vạn V1, Phạm Vạn Đ3.

Bà K và ông Huỳnh Thế N có 02 người con gồm: Huỳnh Quốc H và Huỳnh Ngọc D.

Ngoài ra, không còn ai khác. Cha mẹ của ông Đ4, bà K, ông N đều đã chết.

Bà K, ông Đ4, ông N chết không ai để lại di chúc.

Nguồn gốc thửa đất số 676, 669 có nguồn gốc từ ông bà tặng lại cho ông Đ4, bà K, đến năm 1997 thì ông Đ4 và bà K đăng ký nên được cấp đất như hiện trạng hôm nay, còn việc cấp đất đầu tiên vào năm nào thì không rõ.

Ngoài ra, nguyên đơn còn yêu cầu ông H phải trả lại số tiền 16.000.000đ/5 = 3.200.000đ, tiền cho thuê đất nhiều năm.

** Bị đơn trình bày và đề nghị:*

- Ông Huỳnh Quốc H trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 17/4/2023:

Ông là anh cùng mẹ khác cha với nguyên đơn Đinh Thị Thí Đ. Cha mẹ ruột của ông là ông Huỳnh Thế N, chết năm 2019, mẹ là bà Nguyễn Thị K1, chết năm 2021 (có khai tử). Ông N và bà K1 có 02 con chung: là tôi (H) và bà Huỳnh Ngọc D. Ông N và bà K1 ly hôn năm 1977 (không có giấy ly hôn), sau đó bà K1 kết hôn lại với chồng sau là ông Đinh Văn Đ5 khoảng năm 1978, có với nhau 03 con chung, cụ thể: Đinh Thị Thí Đ, sinh năm 1981; Đinh Thị Trang Đ1, sinh năm 1979; Đinh Thị Trúc P, chết năm 2020, có chồng là ông Phạm Hữu Đ2 và 02 con là Phạm Vạn V1 và Phạm Vạn Đ3. Ngoài ra, không còn ai khác.

Nguồn gốc 02 thửa đất số 676 và 669, do cha mẹ bà K1 (mẹ ông), cho bà K1, khi đó bà K1 còn sống chung với ông N (cha ruột ông), 02 năm sau thì ông N và bà K1 chính thức chia tay, đến năm 1978 thì mẹ ông mới chính thức sống chung với ông Đinh Văn Đ5.

Hai thửa đất số 676 và thửa 669, hiện ông đang quản lý toàn bộ, do ông đi làm ăn xa, nên phía nguyên đơn có trồng một số cây trên đất, nghĩ chỗ anh em nên ông không có ý kiến gì. Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không đồng ý. Vì khi mẹ còn sống ông đã cắt chia đất cho tất cả anh em rồi, phần còn lại là toàn bộ 02 thửa đất trên thuộc về ông, chứ không đồng ý chia cho ai nữa.

- Bà Đinh Thị Trang Đ1 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 17/4/2023 như sau:

Bà là chị ruột của bà Đinh Thị Thí Đ (nguyên đơn). Cha mẹ ruột của bà là ông Đinh Văn Đ5 (chết năm 2014) và bà Nguyễn Thị K1 (chết năm 2021). Ông Đ5 và bà K1 có 03 con chung là: Đinh Thị Thí Đ, sinh năm 1981; Đinh Thị Trang Đ1, sinh năm 1979; Đinh Thị Trúc P, chết năm 2020, có chồng là ông Phạm Hữu Đ2 và 02 con là Phạm Vạn V1 và Phạm Vạn Đ3.

Ngoài ra, trước khi mẹ sống chung với cha Đinh Văn Đ5 thì mẹ có con riêng với ông Huỳnh Thế N, chết năm 2019. Ông N và bà K1 có 02 con chung là: Ông Huỳnh Quốc H và bà Huỳnh Ngọc D. Ông N và bà K1 ly hôn năm 1977 (không có giấy ly hôn), sau đó bà K1 kết hôn lại với cha bà là ông Đinh Văn Đ5

khoảng năm 1978, có với nhau 03 con chung, cụ thể: Đinh Thị Thí Đ, sinh năm 1981; Đinh Thị Trang Đ1 (là bà) sinh năm 1979; Đinh Thị Trúc P, chết năm 2020, có chồng là ông Phạm Hữu Đ2 và 02 con là Phạm Vạn V1 và Phạm Vạn Đ3. Ngoài ra, không còn ai khác.

Nguồn gốc 02 thửa đất số 676 và 669, do cha mẹ bà K1 (mẹ bà), cho bà K1, khi đó bà K1 sống chung với ông Đ5, chứ khi sống với ông N thì ông bà ngoại chưa cho đất.

Hai thửa đất số 676 và thửa 669, hiện do các anh em quản lý chung, vì cha mẹ chết không ai để lại di chúc.

Trước đây cha mẹ còn sống thì cha mẹ có bán (chuyển nhượng) cho các anh chị em mỗi người 01 cái nền nhà, đã được cấp giấy riêng, chứ không phải cha mẹ tặng cho.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà yêu cầu chia theo qui định của pháp luật, nếu pháp luật chia tôi 01 phần thì bà nhận, nếu chia được bằng hiện vật thì chia, không được thì chia bằng giá trị.

Ngày 08/9/2023 bà có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bà Huỳnh Ngọc D trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 17/04/2023 như sau:

Bà là chị cùng mẹ khác cha với nguyên đơn Đinh Thị Thí Đ. Cha mẹ ruột của bà là ông Huỳnh Thế N, chết năm 2019, mẹ là bà Nguyễn Thị K1, chết năm 2021 (có khai tử). Ông N và bà K1 có 02 con chung: là bà (Ngọc D) và bà Huỳnh Quốc H. Ông N và bà K1 ly hôn năm 1977 (không có giấy ly hôn), sau đó bà K1 kết hôn lại với chồng sau là ông Đinh Văn Đ5 khoảng năm 1978, có với nhau 03 con chung, cụ thể: Đinh Thị Thí Đ, 1981; Đinh Thị Trang Đ1, sinh năm 1979; Đinh Thị Trúc P, chết năm 2020, có chồng là ông Phạm Hữu Đ2 và 02 con là Phạm Vạn V1 và Phạm Vạn Đ3. Ngoài ra, không còn ai khác.

Nguồn gốc 02 thửa đất số 676 và 669, do cha mẹ bà K1 (mẹ bà), cho bà K1, khi đó bà K1 còn sống chung với ông N (cha ruột của bà), 02 năm sau thì ông N và bà K1 chính thức chia tay, đến năm 1978 thì mẹ tôi mới có chính thức sống chung với ông Đinh Văn Đ5.

Hai thửa đất số 676 và thửa 669, hiện nay đều quản lý chung, do cha mẹ chết không ai để lại di chúc. Phần đất ruộng là thửa 669 hiện ông H đang cho thuê, tiền thuê sử dụng cho mục đích đám tiệc cúng cha mẹ. Ông H hiện ở bên vợ bên Bến Tre.

Ngày 08/9/2023 bà có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Hữu Đ2 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 21/4/2023 như sau:

Ông là chồng của Đinh Thị Trúc P (Chết năm 2020), P là em của nguyên bị đơn. Đinh Thị Thí Đ, Đinh Thị Trang Đ1, Đinh Thị Trúc P là con cùng cha

cùng mẹ là ông Đinh Văn Đ5 (chết năm 2014) và bà Nguyễn Thị K1 (chết năm 2021).

Vợ ông là Đinh Thị Trúc P, chết năm 2020, ông là chồng của bà P, ông và bà P có 02 con chung là Phạm Vạn V1 và Phạm Vạn Đ3.

Nguồn gốc 02 thửa đất số 676 và 669, do cha mẹ bà K1 (mẹ vợ ông), cho bà K1, khi đó bà K1 sống chung với ông Đ5, việc này ông chỉ nghe nói lại, chứ ông không có biết chính xác.

Hai thửa đất số 676 và thửa 669, hiện do các anh em quản lý chung, vì cha mẹ vợ chết không ai để lại di chúc.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông yêu cầu chia theo quy định của pháp luật, nếu pháp luật chia ông 01 phần thì ông nhận, nếu chia được bằng hiện vật thì chia, không được thì chia bằng giá trị.

- Ông Phạm Vạn V1 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2023 như sau:

Ông là con của Đinh Thị Trúc P (Chết năm 2020), bà P là em của nguyên, bị đơn. Đinh Thị Thí Đ, Đinh Thị Trang Đ1, Đinh Thị Trúc P là con cùng cha cùng mẹ là ông Đinh Văn Đ5 (chết năm 2014) và bà Nguyễn Thị K1 (chết năm 2021).

Mẹ ông là bà Đinh Thị Trúc P, chết năm 2020, cha ông là Phạm Hữu Đ2, cha mẹ tôi có 02 con chung là Phạm Vạn V1 (là ông) và Phạm Vạn Đ3, ngoài ra không có ai khác.

Nguồn gốc 02 thửa đất số 676 và 669, do cha mẹ bà K1 (ngoại tôi), cho bà K1, khi đó bà K1 sống chung với ông Đ5, việc này tôi chỉ nghe nói lại, chứ không có biết chính xác.

Hai thửa đất số 676 và thửa 669, hiện do các cô, cậu đang quản lý chung, ông bà ngoại chết không ai để lại di chúc.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông yêu cầu chia theo quy định của pháp luật, nếu pháp luật chia 01 phần thì ông nhận, nếu chia được bằng hiện vật thì chia, không được thì chia bằng giá trị.

Do bận việc học nên ông đề nghị được vắng mặt trong quá trình tố tụng, tại các nơi các cấp Tòa án, từ chối đối chất với bất cứ ai (nếu có).

- Phạm Vạn Đ3, sinh ngày 03/07/2010; có ông Phạm Hữu Đ2, sinh năm 1967 là cha ruột làm người giám hộ cho cháu Đ3 có ý kiến trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 21/4/2023 như sau:

Ông là con của Đinh Thị Trúc P (Chết năm 2020), bà P là em của nguyên, bị đơn. Đinh Thị Thí Đ, Đinh Thị Trang Đ1, Đinh Thị Trúc P là con cùng cha cùng mẹ là ông Đinh Văn Đ5 (chết năm 2014) và bà Nguyễn Thị K1 (chết năm 2021).

Mẹ ông là bà Đinh Thị Trúc P, chết năm 2020, cha ông là Phạm Hữu Đ2, cha mẹ ông có 02 con chung là Phạm Vạn V1 và Phạm Vạn Đ3 (là ông), ngoài ra không có ai khác.

Nguồn gốc 02 thửa đất số 676 và 669, do cha mẹ bà K1 (ngoại ông), cho bà K1, khi đó bà K1 sống chung với ông Đ5, việc này ông chỉ nghe nói lại, chứ ông không có biết chính xác.

Hai thửa đất số 676 và thửa 669, hiện do các cô, cậu đang quản lý chung, ông bà N1 chết không ai để lại di chúc.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì tôi đồng ý chia theo quy định của pháp luật, nếu pháp luật chia tôi 01 phần thì tôi nhận, nếu chia được bằng hiện vật thì chia, không được thì chia bằng giá trị.

Do bận việc học nên ông đề nghị được vắng mặt trong quá trình tố tụng, tại các nơi các cấp Tòa án, từ chối đối chất với bất cứ ai (nếu có).

- Ông Lê Thành S có ý kiến trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 21/4/2023 như sau:

Ông không họ hàng gì với nguyên bị đơn trong vụ án này, ông chỉ là người cùng xóm.

Thửa đất số 669 là do ông đang canh tác, ông canh tác hình thức là thuê hàng năm, toàn bộ thửa đất số 669 này tôi thuê mỗi năm với số tiền là: 15.000.000đ/năm. Ông thuê phần đất này từ năm 2013 đến nay, nhưng từ năm 2021 (khi bà K1 chết) đến nay thì giá thuê cố định 15.000.000đ/năm, năm 2023 này đã trả tiền thuê rồi. Còn thửa 676 thì ông không có biết, do không có thuê.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không có ý kiến, nếu như các bên đương sự thống nhất cho ông thuê tiếp tục thì ông thuê, không cho thuê nữa thì ông trả lại đất, chứ không có ý kiến yêu cầu gì.

Do bận công việc, ông yêu cầu được giải quyết vắng mặt, tại các nơi các cấp Tòa án, từ chối đối chất (nếu có).

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự trình bày:

Đại diện nguyên đơn: Ông T trình bày và yêu cầu: Đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 676, tờ bản đồ số 09, hiện do bà Đinh Thị Thí Đ quản lý, dùng vào mục đích thờ cúng, nên yêu cầu được nhận toàn bộ phần đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 676 này, đồng ý trả lại giá trị cho các đồng thừa kế còn lại mỗi người được 1/5 giá trị, gồm: Ông Huỳnh Quốc H, bà Đinh Thị Trang Đ1, bà Huỳnh Ngọc D và ông Phạm Hữu Đ2, ông Phạm Vạn V1, Phạm Vạn Đ3.

Đối với thửa đất số 669, tờ bản đồ số 09, hiện do ông H quản lý, đề nghị công nhận giao cho ông H, buộc ông H chia lại giá trị quyền sử dụng cho các đồng thừa kế còn lại mỗi người được chia 1/5 giá trị, gồm: nguyên đơn bà Đinh Thị Thí Đ, bà Đinh Thị Trang Đ1, bà Huỳnh Ngọc D và ông Phạm Hữu Đ2, ông Phạm Vạn V1, Phạm Vạn Đ3.

Bà Đinh Thị Thí Đ rút lại yêu cầu chia tiền thuê đất số tiền 16.000.000đ.

Thông nhất giá do Hội đồng định giá định giá ngày 29/5/2023, để làm căn cứ hoàn trả giá trị cho các đương sự còn lại. Riêng đối với loại đất CLN, trong thửa số 676, bà Đ thống nhất giá là 90.000đ/m², để làm căn cứ chia giá trị cho đương sự còn lại.

Đối với cây trồng trên đất thống nhất theo biên bản thẩm định, định giá. Một số cây trồng do ông H trồng thì nguyên đơn đồng ý trả giá trị lại, cây do nguyên đơn bà Đinh Thị Thí Đ trồng thì được ổn định. các cây còn lại không phải của ông H và nguyên đơn bà Đinh Thị Thí Đ trồng là di sản của bà K1 và ông Đ5 để lại, nên đề nghị chia theo pháp luật, nguyên đơn bà Đinh Thị Thí Đ đồng ý nhận, trả lại giá trị cho những đồng thừa kế còn lại, theo giá đã định giá.

Đại diện bị đơn bà Hồ Thị Thu T1 trình bày và đề nghị:

Đồng ý thống nhất giao toàn bộ đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 676, tờ bản đồ số 09, hiện do bà Đinh Thị Thí Đ quản lý, cho bà Đinh Thị Thí Đ dùng vào mục đích thờ cúng, bà Đinh Thị Thí Đ phải có trách nhiệm trả lại giá trị cho các đồng thừa kế còn lại mỗi người được 1/5 giá trị, gồm: Ông Huỳnh Quốc H, bà Đinh Thị Trang Đ1, bà Huỳnh Ngọc D và ông Phạm Hữu Đ2, ông Phạm Vạn V1, Phạm Vạn Đ3.

Đối với thửa đất số 669, tờ bản đồ số 09, hiện do ông H quản lý, đề nghị công nhận giao cho ông H, ông H đồng ý chia lại giá trị quyền sử dụng cho các đồng thừa kế còn lại mỗi người được chia 1/5 giá trị, gồm: Nguyên đơn bà Đinh Thị Thí Đ, bà Đinh Thị Trang Đ1, bà Huỳnh Ngọc D và ông Phạm Hữu Đ2, ông Phạm Vạn V1, Phạm Vạn Đ3.

Thông nhất giá do Hội đồng định giá định giá ngày 29/5/2023, để làm căn cứ hoàn trả giá trị cho các đương sự còn lại. Riêng đối với loại đất CLN, trong thửa số 676, ông H thống nhất giá là 90.000đ/m², để làm căn cứ chia giá trị cho đương sự còn lại.

Đối với cây trồng trên đất thống nhất theo biên bản thẩm định, định giá. Một số cây trồng do ông H trồng thì đề nghị nguyên đơn trả lại giá trị, cây do nguyên đơn bà Đinh Thị Thí Đ trồng thì được ổn định. Các cây còn lại không phải của ông H và nguyên đơn bà Đinh Thị Thí Đ trồng là di sản của bà K1 và ông Đ5 để lại, nên đề nghị chia theo pháp luật, nguyên đơn bà Đinh Thị Thí Đ đã nhận đất, nên phải trả lại giá trị cây trồng cho những đồng thừa kế còn lại, theo giá đã định giá.

Ông Phạm Hữu Đ2: Ông thống nhất với ý kiến của nguyên bị đơn, đồng ý giao đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 676, tờ bản đồ số 09, hiện do bà Đinh Thị Thí Đ quản lý, cho bà Đinh Thị Thí Đ dùng vào mục đích thờ cúng, bà Đinh Thị Thí Đ phải có trách nhiệm trả lại giá trị cho các đồng thừa kế còn lại mỗi người được 1/5 giá trị, như sự tự nguyện của bà Đinh Thị Thí Đ, gồm: Ông Huỳnh Quốc H, bà Đinh Thị Trang Đ1, bà Huỳnh Ngọc D và ông Phạm Hữu Đ2, ông Phạm Vạn V1, Phạm Vạn Đ3.

Đồng ý giao thửa đất số 669, tờ bản đồ số 09, hiện do ông H quản lý, cho ông H, ông H phải bồi lại giá trị quyền sử dụng cho các đồng thừa kế còn lại mỗi

người được chia 1/5 giá trị, gồm: Nguyên đơn bà Đinh Thị Thí Đ, bà Đinh Thị Trang Đ1, bà Huỳnh Ngọc D và ông Phạm Hữu Đ2, ông Phạm Vạn V1, Phạm Vạn Đ3.

Thông nhất giá do Hội đồng định giá định giá ngày 29/5/2023, để làm căn cứ hoàn trả giá trị cho các đương sự còn lại. Riêng đối với loại đất CLN, trong thửa số 676, ông Đ2, V1, Đ3 thống nhất giá là 90.000đ/m², để làm căn cứ chia giá trị cho đương sự còn lại.

Đối với cây trồng trên đất thống nhất theo biên bản thẩm định, định giá. Một số cây trồng do ông H trồng thì đề nghị nguyên đơn trả lại giá trị, cây do nguyên đơn bà Đinh Thị Thí Đ trồng thì được ổn định. Các cây còn lại không phải của ông H và nguyên đơn bà Đinh Thị Thí Đ trồng là di sản của bà K1 và ông Đ5 để lại, nên đề nghị chia theo pháp luật, nguyên đơn bà Đinh Thị Thí Đ đã nhận đất, nên phải trả lại giá trị cây trồng cho những đồng thừa kế còn lại, theo giá đã định giá.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 68/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Thí Đ.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đinh Thị Thí Đ, ông Phạm Hữu Đ2, Phạm Vạn V1, Phạm Vạn Đ3 về việc đồng ý giao thửa đất số 669 cho ông Huỳnh Quốc H.

Giao toàn bộ thửa đất số 669 cho ông Huỳnh Quốc H, buộc ông Huỳnh Quốc H phải trả giá trị quyền sử dụng lại cho bà Đinh Thị Trang Đ1, Huỳnh Ngọc D mỗi người là: 76.203.400đ (bảy mươi sáu triệu, hai trăm lẻ ba ngàn, bốn trăm đồng) và ông Phạm Hữu Đ2, Phạm Vạn V1, Phạm Vạn Đ3 là: 76.203.400đ (bảy mươi sáu triệu, hai trăm lẻ ba ngàn, bốn trăm đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Quốc H, ông Phạm Hữu Đ2, ông Phạm Vạn V1, ông Phạm Vạn Đ3 về việc đồng ý giao thửa đất số 676 và tài sản gắn liền với đất lại cho bà Đinh Thị Thí Đ.

Giao toàn bộ thửa đất số 676 và tài sản gắn liền với đất cho bà Đinh Thị Thí Đ, để làm di sản thờ cúng. Buộc bà Đinh Thị Thí Đ có trách nhiệm trả lại giá trị quyền sử dụng lại cho bà Đinh Thị Trang Đ1, Huỳnh Ngọc D mỗi người là: 68.401.725đ (sáu mươi tám triệu, bốn trăm lẻ một ngàn, bảy trăm hai mươi lăm đồng) và cho Phạm Hữu Đ2, Phạm Vạn V1, Phạm Vạn Đ3 là: 68.401.725đ (sáu mươi tám triệu, bốn trăm lẻ một ngàn, bảy trăm hai mươi lăm đồng).

Bà Đinh Thị Thí Đ có trách nhiệm thối lại 1/5 giá trị cây trồng cho các đồng thừa kế còn lại gồm: Bà Đinh Thị Trang Đ1, Huỳnh Ngọc D mỗi người là: 1.646.600đ (một triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn, sáu trăm đồng) và ông Phạm Hữu Đ2, Phạm Vạn V1, Phạm Vạn Đ3 là: 1.646.600đ (một triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn, sáu trăm đồng).

Ông Huỳnh Quốc H thối lại giá trị chênh lệch cho bà Đinh Thị Thí Đ số tiền: 76.203.400đ – 74.798.325đ = 1.405.075đ (một triệu, bốn trăm lẻ năm ngàn, không trăm bảy mươi lăm đồng).

Đình chỉ yêu cầu chia 16.000.000đ, tiền thuê đất, do nguyên đơn rút lại yêu cầu.

Ông Huỳnh Quốc H, bà Đinh Thị Thí Đ có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu theo nội dung đã tuyên, khi đã thực hiện xong nghĩa vụ và có trách nhiệm nộp các loại phí, lệ phí theo qui định pháp luật (nếu có).

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tài sản, biên bản định giá ngày 29/05/2023, bản trích đo địa chính có xác nhận của Trung tâm K2, thuộc sở T2, Tp Cần Thơ số 734/TTKTTNMT và 735/TTKTTNMT, xác nhận ngày 21/7/2023 của Trung tâm K2 thuộc sở Tài nguyên và Môi trường thành phố T2 để xác định phần đất tài sản công nhận, giao và thi hành.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Về án phí:

Bà Đinh Thị Thí Đ, phải nộp số tiền: 7.312.000đ (bảy triệu, ba trăm mười hai ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đinh Thị Thí Đ đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số 0006701, ngày 17/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, Tp Cần Thơ. Bà Đinh Thị Thí Đ, phải nộp thêm số tiền: 7.012.000đ (bảy triệu, không trăm mười hai ngàn đồng), còn thiếu.

Bà Đinh Thị Trang Đ1, Huỳnh Quốc H, Huỳnh Ngọc D mỗi người phải nộp án phí sơ thẩm là: 7.012.000đ (bảy triệu, không trăm mười hai ngàn đồng). Ông Phạm Hữu Đ2, ông Phạm Vạn V1, Phạm Vạn Đ3 phải chịu án phí là: 7.012.000đ (bảy triệu, không trăm mười hai ngàn đồng).

- Về chi phí đo đạc thẩm định, định giá, lệ phí bản trích đo địa chính: Hội đồng chỉ các khoản hết 8.000.000đ (tám triệu đồng), bà Đinh Thị Thí Đ đã tạm ứng và chi xong. Ông Huỳnh Quốc H, bà Đinh Thị Trang Đ1, bà Huỳnh Ngọc D mỗi người phải chịu 1.600.000đ (một triệu sáu trăm ngàn đồng; Ông Phạm Hữu Đ2, ông Phạm Vạn V1, Phạm Vạn Đ3 cùng chịu 1.600.000đ (một triệu sáu trăm ngàn đồng), để chuyển trả lại cho nguyên đơn bà Đinh Thị Thí Đ.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 06/10/2023, ông Huỳnh Quốc H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giao lại toàn bộ thửa đất số 676 cho ông trực tiếp quản lý sử dụng.

Tại các đơn kháng cáo đề ngày 09/10/2023, bà Đinh Thị Trang Đ1 và Huỳnh Ngọc D cùng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho các bà nhận thừa kế đối với phần đất thửa 669 bằng hiện vật và yêu cầu không chia thừa kế đối với thửa đất 676 và tài sản trên đất để làm phủ thờ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Các bên không thương lượng được việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, các quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát cho rằng theo các tài liệu chứng cứ đã đánh giá thì Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Các bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy các bên tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp đối với các thửa 676 và thửa 669 cho thấy các thửa đất này được công nhận quyền sử dụng đất trong thời kỳ hôn nhân của ông Đ5 và bà K1. Các bên không có tài liệu giấy tờ chứng minh về việc cha mẹ của mình đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước đây. Do đó, bản án sơ thẩm xác định các quyền sử dụng đất này là tài sản chung của ông Đ5 và bà K1, chứ không phải là tài sản chung của ông N và bà K1 là có căn cứ.

[3] Như đã nhận định tại mục [2] thì ông N không để lại di sản nên các con của ông N gồm Huỳnh Ngọc D và Huỳnh Quốc H chỉ được hưởng phần di sản của bà K1 để lại. Còn các bà Đinh Thị Thí Đ, Đinh Thị Trang Đ1 và người thừa kế của Đinh Thị Trúc P được nhận di sản của cả bà K1 và của ông Đ5 để lại. Như vậy, giá trị di sản chia cho ông H và bà D sẽ ít hơn rất nhiều so với bà Thí Đ, bà Trang Đ1 và người thừa kế của bà Trúc P, nếu như di sản được chia theo pháp luật.

[4] Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự thì sau khi ông Đ5 chết (năm 2014), ba người con gồm Đinh Thị Trang Đ1, Đinh Thị Thí Đ, Đinh Thị Trúc P sẽ được hưởng 3/8 giá trị tài sản nêu trên. Sau khi bà K1 chết (năm 2021). Phần tài sản còn lại tương ứng 5/8 giá trị tài sản sẽ được chia làm 05 phần cho 05 người con gồm Đinh Thị Trang Đ1, Đinh Thị Thí Đ, Đinh Thị Trúc P, Huỳnh Ngọc D và Huỳnh Quốc H. Như vậy, theo quy định của pháp luật thì các người con chung giữa bà K1 với ông Đ5 sẽ được hưởng giá trị phần thừa kế nhiều hơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đã thoả thuận chia đều di sản thành 5 phần bằng nhau là có lợi cho người kháng cáo – ông Huỳnh Quốc H và bà Huỳnh Ngọc D.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, phía ông H đã thể hiện ý chí phân chia và được các đương sự còn lại có mặt tại phiên tòa đồng ý. Nay, ông H thay đổi ý kiến là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Các bị đơn còn lại là bà Huỳnh Ngọc D, bà Đinh Thị Trang Đ1 vắng mặt tại phiên toà sơ thẩm, kháng cáo yêu cầu không chia thửa đất 676 mà dùng tài sản này cho việc thờ cúng. Điều 645 Bộ luật dân sự quy định về di sản dùng vào việc thờ cúng trong trường hợp chia thừa kế theo di chúc. Trong trường hợp này, ông Đ5 và bà K1 không để lại di chúc nên các bị đơn yêu cầu không chia di sản tại thửa 676 là không được chấp nhận. Tại phiên toà phúc thẩm, Toà án cũng đã phân tích về việc Toà án sơ thẩm đã tuyên giao nhà và đất tại thửa 676 cho nguyên đơn thờ cúng thì nguyên đơn phải thực hiện các nghĩa vụ thờ cúng, cũng như không được cản trở việc thờ cúng chung. Điều này cũng đáp ứng một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc thờ cúng. Hơn nữa, như phân tích trên, việc phân chia theo án sơ thẩm đã có lợi cho bà Huỳnh Ngọc D và ông Huỳnh Quốc H. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm, do kháng cáo của các bị đơn không được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đinh Thị Thí Đ, ông Phạm Hữu Đ2, Phạm Vạn V1, Phạm Vạn Đ3 về việc đồng ý giao thửa đất số 669 cho ông Huỳnh Quốc H, cụ thể:

Giao toàn bộ thửa đất số 669 cho ông Huỳnh Quốc H, buộc ông Huỳnh Quốc H phải trả giá trị quyền sử dụng lại cho bà Đinh Thị Trang Đ1, Huỳnh Ngọc D mỗi người là: 76.203.400 đồng (bảy mươi sáu triệu, hai trăm lẻ ba ngàn, bốn trăm đồng) và ông Phạm Hữu Đ2, Phạm Vạn V1, Phạm Vạn Đ3 là: 76.203.400 đồng (bảy mươi sáu triệu, hai trăm lẻ ba ngàn, bốn trăm đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Quốc H, ông Phạm Hữu Đ2, ông Phạm Vạn V1, ông Phạm Vạn Đ3 về việc đồng ý giao thửa đất số 676 và tài sản gắn liền với đất lại cho bà Đinh Thị Thí Đ, cụ thể:

Giao toàn bộ thửa đất số 676 và tài sản gắn liền với đất cho bà Đinh Thị Thí Đ, để làm di sản thờ cúng. Buộc bà Đinh Thị Thí Đ có trách nhiệm trả lại giá trị quyền sử dụng lại cho bà Đinh Thị Trang Đ1, Huỳnh Ngọc D mỗi người là: 68.401.725 đồng (sáu mươi tám triệu, bốn trăm lẻ một ngàn, bảy trăm hai mươi lăm đồng) và cho Phạm Hữu Đ2, Phạm Vạn V1, Phạm Vạn Đ3 là: 68.401.725 đồng (sáu mươi tám triệu, bốn trăm lẻ một ngàn, bảy trăm hai mươi lăm đồng).

Bà Đinh Thị Thí Đ có trách nhiệm thối lại 1/5 giá trị cây trồng cho các đồng thừa kế còn lại gồm: Bà Đinh Thị Trang Đ1, Huỳnh Ngọc D mỗi người là: 1.646.600 đồng (một triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn, sáu trăm đồng) và ông

Phạm Hữu Đ2, Phạm Vạn V1, Phạm Vạn Đ3 là: 1.646.600 đồng (một triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn, sáu trăm đồng).

Ông Huỳnh Quốc H hoàn trả lại giá trị chênh lệch cho bà Đinh Thị Thí Đ với số tiền là 1.405.075 đồng (một triệu, bốn trăm lẻ năm ngàn, không trăm bảy mươi lăm đồng).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu phân chia số tiền 16.000.000 đồng (tiền thuê đất).

Ông Huỳnh Quốc H, bà Đinh Thị Thí Đ có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu theo nội dung đã tuyên, khi đã thực hiện xong nghĩa vụ và có trách nhiệm nộp các loại phí, lệ phí theo quy định pháp luật (nếu có).

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tài sản, biên bản định giá ngày 29/05/2023, bản trích đo địa chính có xác nhận của Trung tâm K2, thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố T2 số 734/TTKTTNMT và 735/ TTKTTNMT, xác nhận ngày 21/7/2023 của Trung tâm K2 thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố T2 để xác định phần đất tài sản công nhận, giao và thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đinh Thị Thí Đ phải nộp số tiền: 7.312.000 đồng (bảy triệu, ba trăm mười hai ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đinh Thị Thí Đ đã nộp là: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số 0006701, ngày 17/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ, Bà Đinh Thị Thí Đ, phải nộp thêm số tiền: 7.012.000 đồng (bảy triệu, không trăm mười hai ngàn đồng), còn thiếu.

- Bà Đinh Thị Trang Đ1, Huỳnh Quốc H, Huỳnh Ngọc D mỗi người phải nộp án phí sơ thẩm là: 7.012.000 đồng (bảy triệu, không trăm mười hai ngàn đồng). Ông Phạm Hữu Đ2, ông Phạm Vạn V1, Phạm Vạn Đ3 phải chịu án phí là: 7.012.000 đồng (bảy triệu, không trăm mười hai ngàn đồng).

3. Về chi phí đo đạc thẩm định, định giá, lệ phí bản trích đo địa chính:

- Mỗi ông bà gồm: Huỳnh Quốc H, Đinh Thị Trang Đ1, Huỳnh Ngọc D hoàn trả cho bà Đinh Thị Thí Đ 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm ngàn đồng;

- Ông Phạm Hữu Đ2, ông Phạm Vạn V1, Phạm Vạn Đ3 hoàn trả lại cho bà Đinh Thị Thí Đ với tổng số tiền 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm ngàn đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Các bị đơn Huỳnh Quốc H, Đinh Thị Trang Đ1, Huỳnh Ngọc D mỗi người phải chịu án phí là 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí lần lượt theo các biên lai thu số 0006962 ngày 06/10/2023, biên lai thu số 0006969 ngày 11/10/2023 và biên lai thu số 0006970 ngày 11/10/2023 đều do Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh đã thu thành án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND huyện Vĩnh Thạnh;
- THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Chế Linh